Trường: THCS Cẩm Thịnh Họ và tên giáo viên: Nguyễn Thị Giang

Tổ: Khoa học xã hội

***Tiết 10: Thực hành Tiếng Việt***

**NGÔN NGỮ CÁC VÙNG MIỀN**

**I. Mục tiêu:**

***1. Năng lực:***

- Hiểu được đặc điểm, tác dụng, cách sử dụng của ngôn ngữ các vùng miền khác nhau

- Biết sử dụng ngôn ngữ các vùng miền đúng hoàn cảnh giao tiếp

***2. Phẩm chất:***

- Tự tin thể hiện quan điểm của bản thân.

- Biết lắng nghe, hợp tác nhóm

- Yêu ngôn ngữ của dân tộc, có trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- Có ý thức tìm tòi vốn từ vựng tiếng Việt trong nói và viết.

**HSKT TK ĐBN**: Hòa đồng cùng các bạn trong lớp. Xác định được từ ngữ địa phương.

**HSKT TKTT:**

- Xác định được từ ngữ địa phương

- Phân loại được cấu tạo của từ ngữ địa phương.

**HSKT NN**: Quan sát các bức tranh và các slide để thực hiện yêu cầu của giáo viên nắm được từ ngữ địa phương.

**2. Phẩm chất**

- Tự tin thể hiện quan điểm của bản thân.

- Biết lắng nghe, hợp tác nhóm.

**II. Thiết bị và học liệu**

**1. Thiết bị:** Máy chiếu, máy tính,...

**2. Học liệu:** SGK, kế hoạch bài dạy, sách tham khảo, Phiếu học tập, rubric đánh giá.

**III.Tiến trình dạy học**

**Hoạt động 1: Mở đầu (5’)**

**a.** **Mục tiêu**: Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức ngữ văn, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học

**b. Nội dung hoạt động:** HS tham gia trò chơi: ĐUỔI HÌNH BẮT CHỮ

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS, cảm nhận ban đầu về vấn đề đặt ra trong tiết học

***Dự kiến câu trả lời:***

|  |  |
| --- | --- |
| Tên sự vật | ( Dự kiến)Tên gọi ở địa phương miền Nam |
| Hình 1: Quả dứa | Trái thơm |
| Hình 2: Cái bát (ăn cơm) | Cái chén |
| Hình 3: Cái mũ | Cái nón |
| Hình 4: Bắp ngô | Trái bắp |
| Hình 5: Quả roi | Trái mận |

**d. Tổ chức thực hiện hoạt động:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV phổ biến luật chơi: Có 5 bức tranh, HS quan sát tranh để trả lời nội dung các bức tranh trong ảnh. Nếu HS trả lời sai, HS khác có quyền trả lời.

**Câu hỏi:** HS quan sát tranh, bằng sự hiểu biết của mình em hãy cho biết sự vật được thể hiện trong bức tranh, ở địa phương miền Nam sự vật ấy được gọi là gì?

|  |
| --- |
| Tên sự vật |
| Hình 1: Quả dứa |
| Hình 2: Cái bát (ăn cơm) |
| Hình 3: Cái mũ |
| Hình 4: Bắp ngô |
| Hình 5: Quả roi |

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**:

HS quan sát tranh để nhận biết các sự vật trong tranh.

GV quan sát, hỗ trợ nếu cần.

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS phát biểu. Trình bày ý kiến

**Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét câu trả lời của HS. Dẫn dắt vào bài.**

**GV kết nối vào tiết học:** Các em thân mến, chúng ta có thể thấy ngôn ngữ các vùng miền rất đa dạng, góp phần làm nên sự giàu đẹp của Tiếng Việt. Tiết học hôm nay cô và các em cùng tìm hiểu phần thực hành tiếng việt: Ngôn ngữ các vùng miền.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (20’)**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được đặc điểm, tác dụng, cách sử dụng của ngôn ngữ các vùng miền khác nhau.

**b. Nội dung**: HS trình bày sản phẩm dự án học tập của nhóm

**c. Sản phẩm:** Sản phẩm dự án học tập của HS.( Sơ đồ tư duy, bài thuyết trình,…)

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chia 3 nhóm, đọc phần KT ngữ văn trang 14 để hoàn thành phiếu học tập: **(HS chuẩn bị ở nhà)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ngôn ngữ các vùng miền** | | | | Đặc điểm | Tác dụng | Cách sử dụng | | ….. | ….. | …. |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS trình bày sản phẩm chuẩn bị của nhóm bằng sơ đồ tư duy hoặc bằng bảng nhóm  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.  + Nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Thực hành** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Ngôn ngữ các vùng miền** | | | | **Đặc điểm** | **Tác dụng** | **Cách sử dụng** | | - Tính đa dạng của tiếng Việt thể hiện chủ yếu ở các mặt ngữ âm và từ vựng:  + Đa dạng về ngữ âm: Một từ ngữ có thể được phát âm không giống nhau ở các vùng miền khác nhau.  + Đa dạng về từ vựng: Các vùng miền khác nhau đều có những từ ngữ mang tính địa phương (từ ngữ địa phương). | - Dùng để phản ánh cách nói của nhân vật, của người dân ở địa phương khác nhau.  - Tạo sắc thái thân mật, gần gũi phù hợp với hoàn cảnh của nhân vật. Tô đậm tính chất địa phương. | - Việc sử dụng từ ngữ địa phương cũng cân có chừng mực; nếu không, sẽ gây khó khăn cho người đọc và hạn chế sự phổ biến của tác phẩm. | | |

**Hoạt động 3: Luyện tập (15’)**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng các tri thức ngữ văn vào thực hành các bài tập và thực tiễn cuộc sống.

**b. Nội dung**: HS thảo luận nhóm, hoàn thành các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS, phiếu học tập.

Dự kiến SP:

**Phiếu học tập số 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Từ** | **Nghĩa** | **Phạm vi sử dụng** | **Tác dụng** |
| 1.a | Tía | Cha | Miền Nam | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| 1.b | Má | Mẹ | Miền Nam | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| 1.c | Giùm/ qua | Giúp / anh | Miền Nam | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| 1.d | Bả | Bà | Miền Nam | Phản ánh cách nói của nhân vật; Phù hợp với bối cảnh của tác phẩm. |
| 2.b | Ni | Này | Miền Trung | nt |
| 2.c | Mi / Dớ dận | Mày / Vớ vẩn | Miền Trung | nt |

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 1,2 SGK  GV cho lớp hoạt động cá nhân hoàn thành phiếu học tập số 1.  **Phiếu học tập số 1**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Câu** | **Từ** | **Nghĩa** | **Phạm vi sử dụng** | **Tác dụng** | | **1.a** |  |  |  |  | | **1.b** |  |  |  |  | | **…** | **…** | **…** | **…** | **…** |   ? Tìm một số từ ngữ sử dụng ở địa phương em?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoàn thành phiếu học tập cá nhân  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện HS trình bày câu trả lời  + HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  Gv cho HS chấm chéo bài của nhau (dựa vào bảng kiểm) | **II. Thực hành**  **1. Bài tập 1,2** |
| **Bảng kiểm chấm điểm**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung chấm điểm** | **Điểm đạt được** | | Xác định được từ và giải nghĩa đúng các từ địa phương trong mỗi ví dụ. Mỗi từ đúng được 1.0đ |  | | Xác định đúng phạm vi sử dụng. 2.0đ |  | | Nêu đúng tác dụng. Mỗi ví dụ đúng được 2.0đ |  | | |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 3 SGK  GV chia lớp thành 2 đội tham gia phần thi tiếp sức với 2 vòng thi:  **Vòng 1**: Mỗi đội 3 (hoặc 4) bạn tham gia thực hiện nhiệm vụ a của BT3: Trong thời gian 1 phút viết các từ có tiếng chứa phụ âm đầu là **l, n, v.** Mỗi bạn HS được viết 1 từ, lần lượt xoay vòng đến các bạn còn lại cho đến khi hết giờ. Hết thời gian, đội nào viết đúng và nhiều hơn sẽ chiến thắng.  **Vòng 2**:Mỗi đội 3 (hoặc 4) bạn tham gia thực hiện nhiệm vụ c của BT3: Trong thời gian 1 phút viết các từ các **thanh hỏi, thanh ngã.** Mỗi bạn HS được viết 1 từ, lần lượt xoay vòng đến các bạn còn lại cho đến khi hết giờ. Hết thời gian, đội nào viết đúng và nhiều hơn sẽ chiến thắng.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS thực hiện trò chơi  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện HS kiểm tra kết quả các đội  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. Cho điểm | **2. Bài tập 3**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **BẢNG HỆ THỐNG CÁC TỪ** | | | | P.âm đầu l | P.âm đầu n | P.âm đầu v | | *lo lắng, lạnh lùng, lặc lè, lung lay, lạ lẫm, lạc lõng,..* | *no nê, nao núng, nói năng, nôn nóng, nôn nao,…* | *vội vàng, vắng* *vẻ, vội vã, vui vẻ, vênh váo, ví von,…* |  |  |  | | --- | --- | | **BẢNG HỆ THỐNG CÁC TỪ** | | | Thanh hỏi | Thanh ngã | | *Tỉ mỉ, nghỉ ngơi, chém chả, rủ rỉ, …* | *nghĩ ngợi, mĩ mãn, lũ lụt, xử lí,…* | |
| **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV chiếu đoạn thơ: Gọi HS đọc chuẩn chính tả đoạn thơ đó:  Lúa nếp là lúa nếp làng  Lúa lên lớp lớp lòng nàng lâng lâng  Lúa nếp là lúa nếp làng  Lúa lên lớp lớp làm lợn no nê.  Lên núi lấy lá non về làm nón lá.  Lúa nếp là lúa nếp non  Lúa lên lá nõn lá non nõn nà.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS quan sát đoạn thơ  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện HS đọc các đoạn thơ  + HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, nhận xét cách đọc. Chấm điểm. |  |
| **Bước 1: GV giao nhiệm vụ:**  GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập 4 SGK:  Viết một đoạn văn (khoảng 5-7 dòng) trình bày ý kiến của em về tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.  - Hình thức: Đoạn văn, đủ số câu quy định, đúng chính tả, ngôn từ trong sáng.  - Nội dung: Tác dụng của việc sử dụng các từ ngữ địa phương trong một văn bản mà em đã học hoặc đã đọc.(Người đàn ông cô độc giữa rừng; Dọc đường sứ Nghệ)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ:**  HS dựa vào các văn bản đã học để tìm ý viết đoạn văn đúng yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện HS đọc đoạn văn của mình.  **Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức.**  GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **3. Bài tập 4** |

**Hoạt động 4: Vận dụng(5’)**

**a. Mục tiêu**: HS vận dụng các kiến thức vào thực tiễn cuộc sống

**b. Nội dung**: HS tìm hiểu từ ngữ sử dụng ở địa phương mình

**c. Sản phẩm:** Sổ tay cá nhân có các từ địa phương

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV giao nhiệm vụ**

? Sưu tầm các từ địa phương được sử dụng ở địa phương em. Cho biết các từ toàn dân tương ứng.

**Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS sưu tầm

**Bước 3: Báo cáo, thảo luận**: Trình bày trước lớp các từ ngữ đã sưu tầm được (Tiết học sau)

**Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức:** GV nhận xét, cho điểm phần sưu tầm của HS (giờ học sau)

**\* Hướng dẫn về nhà**

-Nắm vững cách đọc hiểu thể loại truyện ngắn

- Tìm đọc các truyện ngắn khác cùng đề tài, chủ đề

- Vận dụng cách đọc hiểu thể loại truyện ngắn để tự đọc hiểu truyện ngắn mà em yêu thích